

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 9 - 2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Dũng và ông Nguyễn Văn Dũng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Huy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Vũ Văn M, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số nhà A ngách A ngõ A, đường P, tổ H, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ H, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: Tại Đài Loan (Không rõ địa chỉ); có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Anh Vũ Văn M và chị Nguyễn Thị Bích T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam ngày 30 tháng 3 năm 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại tổ H, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên từ năm 2018, chị Nguyễn Thị Bích T đi lao động tại Đài Loan; từ đó, vợ chồng xa cách ít quan tâm tới nhau. Theo anh Vũ Văn M, trong suốt thời gian chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung; vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2018. Nay, anh Vũ Văn M xác định tình cảm vợ chồng không còn để nghị Tòa

án giải quyết cho ly hôn theo quy định. Quan điểm của chị Nguyễn Thị Bích T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh M xin ly ly hôn chị T đồng ý và đề nghị Toà án xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh M và chị T theo quy định.

Về con chung, vợ chồng có 02 con chung gồm: (1) cháu Vũ Nguyễn Sĩ N, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2007; (2) cháu Vũ Thị Trà A, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2009. Hiện tại cả 02 cháu đang ở với anh M. Nếu ly hôn, anh Vũ Văn M đề nghị Toà án giao cả 02 con chung cho anh M nuôi dưỡng, chăm sóc. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh M không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng; trường hợp có tranh chấp về phần cấp dưỡng nuôi con sẽ đề nghị giải quyết bằng vụ án khác.

Về tài sản chung, công nợ anh Vũ Văn M xác định không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Vũ Văn M điện thoại trực tiếp qua ứng dụng Zalo có hình ảnh cho chị Nguyễn Thị Bích T và được anh Vũ Văn M xác nhận đúng chị Nguyễn Thị Bích T là vợ anh M trên điện thoại. Chị T xác định hiện chị đang lao động tại Đài Loan và đang sống bất hợp pháp (Sống lưu vong), công việc chưa ổn định, chỗ ở không cố định; chị T đã được ông Nguyễn Văn C thông báo việc anh M xin ly hôn. Quan điểm của chị T nhất trí việc anh M ly hôn và đề nghị Toà án xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh M và chị T; về con chung chị T và anh M có hai con chung gồm: Cháu Vũ Nguyễn Sĩ N, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2007 và cháu Vũ Thị Trà A, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2009. Nếu ly hôn chị T đề nghị giao cả 02 cháu cho anh M nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị T tự thỏa thuận với anh M. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác chị T xác định không có nên không đề nghị Toà án giải quyết. Hiện tại chị không có thai nghén gì.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa xác định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn không cung cấp địa chỉ cho Toà án là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82 và Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Văn M và chị Nguyễn Thị Bích T. Về con chung: Giao cháu Vũ Nguyễn Sĩ N, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2007 và cháu Vũ Thị Trà A, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2009 cho anh Vũ Văn M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Bích T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí ly hôn sơ thẩm, anh M và chị T phải chịu theo quy định; chấp nhận việc anh M tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các

đương sự (Đặc biệt chị Nguyễn Thị Bích T trình bày qua ứng dụng Zalo có hình ảnh) và nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, mặc dù chị Nguyễn Thị Bích T đã gửi Bản tự khai từ Đài Loan về Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam nhưng không có xác nhận của Đại sứ quán tại Đài Loan và không cung cấp địa chỉ để Tòa án uỷ thác theo quy định nên thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án phải tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn C (Bố đẻ chị T); bản thân chị T đã biết việc Tòa án đang giải quyết việc anh M xin ly hôn chị T; đồng thời, đề nghị được giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Bích T theo quy định chung.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn M về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con có yếu tố nước ngoài và chị Nguyễn Thị Bích T trước khi đi lao động tại Đài Loan có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ H, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, anh Vũ Văn M và chị Nguyễn Thị Bích T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam ngày 30 tháng 3 năm 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và kinh tế gia đình có phần khó khăn. Đến đầu năm 2018, chị Nguyễn Thị Bích T đi lao động tại Đài Loan; từ đó, vợ chồng xa cách không quan tâm tới nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; anh M xin ly hôn, chị T đồng ý và đề nghị Tòa án xử công nhận thuận tình ly hôn theo quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Văn M và chị Nguyễn Thị Bích T là phù hợp pháp luật.

[4] Về con chung: Hiện tại cháu Vũ Nguyễn Sĩ N và cháu Vũ Thị Trà A do anh Vũ Văn M chăm sóc, nuôi dưỡng; chị T đang lao động tại Đài Loan. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi của các con chưa thành niên và theo nguyện vọng của cả hai cháu và anh M, chị T; Hội đồng xét xử giao các cháu N và cháu Trà A cho anh Vũ Văn M tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc theo quy định. Do anh M không đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét; sau này, có phát sinh, đương sự được quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc anh Vũ Văn M và chị Nguyễn Thị Bích T mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Do anh M tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử buộc anh Vũ Văn M chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh M đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam thành án phí chung của anh chị, trả lại anh M số tiền 150.000 đồng còn lại theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm c khoản 1 Điều 37; Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 55, 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Văn M và chị Nguyễn Thị Bích T.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Nguyễn Sĩ N, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2007 và cháu Vũ Thị Trà A, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2009 cho anh Vũ Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu N và Trà A đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Chị Nguyễn Thị Bích T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Buộc anh Vũ Văn M phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà anh Vũ Văn M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001472 ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam; trả lại anh Vũ Văn M 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho anh Vũ Văn M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; báo cho chị Nguyễn Thị

Bích T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV & THAHS Toà án tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- UBND phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Bộ phận HCTP;
- Toà dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đức Thủy